

Bản án số: 08/2023/HC-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v “Khiếu kiện Quyết định giải
quyết khiếu nại và hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Xuân

Ông Phạm Kim Trọng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2022/TLST-HC ngày 03/11/2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1956; địa chỉ: Khu phố Tn, phường Tn, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà **Đào Thị N**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh B** (có đơn xin vắng mặt).

2. **Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh B;** địa chỉ trụ sở: Đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân Phú, thành phố Đ, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh B, chức vụ: Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Đ: Ông **Nguyễn Văn T**, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Đào Thị N thống nhất trình bày:

Ngày 31/12/1996, bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị T thửa đất có diện tích đất 550m² tọa lạc tại Kp. Tân Trà, P. Tân Bình, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Năm 2002, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 300/QĐ-UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô xây dựng khu dân cư và xây trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước thì toàn bộ đất trên của bà H bị giải tỏa và thu hồi hết. Năm 2003, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1714/QĐ-UB ngày 22/9/2003, về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu dân cư và đất xây dựng Trụ sở ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước. Tại khoản 8 Điều 1 của quyết định này quy định về đền bù, tái định cư: “Tổng các số lô tái định cư: 104 lô, trong đó: Vị trí số 1: 45 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 50m); Vị trí số 2: 08 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 51m -100m); Vị trí số 3: 10 lô (Từ đường Phú Riềng Đỏ vào 101 - 150m); Vị trí số 4: 41 lô (Từ đường Phú Riềng Đỏ vào >150m)”. Và tại khoản 10 Điều 1 của quyết định này quy định: “Về giao lô tái định cư: Thực hiện theo quy định của phương án đền bù được UBND tỉnh phê duyệt”. Năm 2007, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 573/QĐ - UBND ngày 04/4/2007 về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 75/2002/QĐ-UB ngày 25/11/2002 của UBND tỉnh trong đó tại điểm c khoản 3 Điều 1 của quyết định có nội dung như sau: “Đối với các hộ dân bị giải tỏa mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ: Những hộ dân bị thu hồi đất mà chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m (diện tích giải tỏa trên 100m²) thì được bố trí 01 lô đất tái định cư, còn lại cứ 9m tăng thêm được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư. Nếu các hộ dân mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được giao tái định cư vị trí bên trong thì cứ 01 lô mặt tiền được 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ); 1,5 lô vị trí 2; 2 lô vị trí 3 và 2,5 lô vị trí 4. Những hộ có chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m mà diện tích giải tỏa từ 350m² đến dưới 500m² thì ngoài việc được bố trí 01 lô mặt tiền còn được bố trí ½ lô thuộc vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ). Nếu diện tích giải tỏa trên 500m² thì được bố trí thêm 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ).

Quá trình thu hồi đất thì bà H được cấp 02 lô đất tái định cư: 01 lô tái định cư tại mặt đường Phú Riềng Đỏ và 01 lô tái định cư tại vị trí 1 (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 50m, không tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ). Hiện bà H đã nhận 01 lô tái định cư mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ thuộc lô số 4, cụm D-6 theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND thị xã - nay là UBND thành phố Đ; còn 01 lô vị trí 1 từ đó đến nay bà H chưa được nhận. Bà H có làm đơn kiến nghị gửi đến UBND thành phố Đ xem xét để tiếp tục giao 01 lô đất vị trí 01 theo Quyết định số 573 của UBND tỉnh. Theo báo cáo số 17/BC-BQLNN ngày 21/4/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN và PTNN về việc bồi thường, hỗ trợ hộ bà Nguyễn Thị H thuộc dự án khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành Nông nghiệp và PTNT có nội dung kiến nghị: “quỹ đất tái định cư vị trí 1 thuộc dự án khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành nông nghiệp và PTNN không có”.

Ngày 11/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ra thông báo số 261/TB - UBND đưa ra phương án giải quyết đơn kiến nghị của bà H như sau: Phương án 1: Đề nghị bà H nhận 01 lô vị trí 02 (trong 3,5 lô đất vị trí 2 thuộc quỹ đất tái định

cư của dự án). Phương án 2: Đề nghị bà H nhận 01 lô đất ở khu tái định cư khác có vị trí tương đương. Phương án 3: Đề nghị bà H chờ nhận đất tái định cư khi thực hiện dự án Đường quy hoạch số 31 (đoạn còn lại). Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố Đ chỉ xét giao cho bà H 01 lô đất tái định cư vị trí 02 (trong số 3,5 lô đất vị trí 2 thuộc quỹ đất tái định cư của dự án khu dân cư và đất xây dựng trụ sở ngành nông nghiệp và PTNN), với lý do vị trí 01 không còn. Theo thông báo số 985/TB-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ nêu: do đất tái định cư vị trí 1 không còn nên dự kiến giao cho bà H 01 lô đất tái định cư ở vị trí 2 (Lô 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m). Mặc dù bà H đã có đơn kiến nghị nhiều lần gửi đến UBND thành phố Đ thực hiện cấp đủ 1,5 lô đất tái định cư vị trí 2 cho bà H theo đúng Quyết định số 573 của UBND tỉnh. Nhưng chủ tịch UBND thành phố Đ chỉ xét giao cho bà H 01 lô đất ở vị trí 02 của dự án, còn 0,5 lô ở vị trí 02 không xem xét giải quyết cho bà H.

Ngày 03/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 353/UBND-TD về việc trả lời đơn đề nghị của bà H với nội dung tiếp tục đề nghị bà H nhận 01 lô đất tái định cư ở vị trí 02 (lô số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m) tại dự án do đây là lô tái định cư duy nhất còn lại của dự án. Đến tháng 3 năm 2022, bà H làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc thực hiện cấp đủ cho bà H 1,5 lô vị trí 2 của dự án theo Quyết định số 573 của UBND tỉnh Bình Phước.

Ngày 26/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu) với nội dung: Tại khoản 2 của phần II của Quyết định 1239 nêu: "...Hộ bà H bị giải toả 537m², chiều ngang mặt tiền theo giấy CNQSD đất là 10m, căn cứ chính sách nêu trên, hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư là đúng với chính sách. Bà H đã nhận 01 lô mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ, nay bà H đề nghị giao 1,5 lô vị trí 2 (theo chính sách của các hộ giải toả mặt tiền được giao tái định cư phía trong) là không có cơ sở. Mặc khác, theo công văn số 353/UBND-TD ngày 03/3/2022 của UBND Tp. Đ biết khi điều chỉnh quy hoạch theo quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh không có các lô tái định cư vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho các hộ dân, trong đó có bà H. Qua rà soát thì dự án còn lại 01 lô đất số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m có mặt tiền tiếp giáp đường Nguyễn Hoàn, hành lang lộ giới 28m (thuộc vị trí 1); đến nay các hộ dân cùng điều kiện giải toả như bà H đã chấp hành nhận 01 lô tái định cư bên trong. Trường hợp bà H đồng ý nhận lô đất tái định cư nêu trên thì liên hệ UBND phường Tân Bình để làm thủ tục nhận đất". Tại Điều 1 của Quyết định số 1239 nêu: "Không công nhận toàn bộ nội dung đơn của bà Nguyễn Thị H khiếu nại và đề nghị nhận 1,5 lô vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại quyết định số 573/QĐ – UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước". Như vậy, Quyết định số 1239 của Chủ tịch UBND thành phố Đ không chấp nhận đơn khiếu nại của bà H là không có cơ sở, bởi các căn cứ như sau:

Thứ nhất: Căn cứ theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 75/2002/QĐ-UB ngày 25/11/2002 của UBND tỉnh thì tại điểm c khoản 3 Điều 1 của quyết định

như sau: “Đối với các hộ dân bị giải toả mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ: Những hộ dân bị thu hồi đất mà chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m (diện tích giải toả trên 100m²) thì được bố trí 01 lô đất tái định cư, còn lại cứ 9m tăng thêm được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư. Nếu các hộ dân mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được giao tái định cư vị trí bên trong thì cứ 01 lô mặt tiền được 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ); 1,5 lô vị trí 2; 2 lô vị trí 3 và 2,5 lô vị trí 4. Những hộ có chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m mà diện tích giải toả từ 350m² đến dưới 500m² thì ngoài việc được bố trí 01 lô mặt tiền còn được bố trí ½ lô thuộc vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ). Nếu diện tích giải toả trên 500m² thì được bố trí thêm 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ). Căn cứ quyết định số 1714/QĐ-UB ngày 22/9/2003 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu dân cư và đất xây dựng Trụ sở ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước. Nội dung tại khoản 8 Điều 1 của quyết định này quy định về đền bù, tái định cư: “tổng các số lô tái định cư: 104 lô, trong đó: Vị trí số 1: 45 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 50m); Vị trí số 2: 08 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 51m -100m); Vị trí số 3: 10 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào 101 – 150m); Vị trí số 4: 41 lô (từ đường Phú Riềng Đỏ vào >150m)”. Và tại khoản 10 Điều 1 của quyết định này quy định: “Về giao lô tái định cư: Thực hiện theo quy định của phương án đền bù được UBND tỉnh phê duyệt”. Như vậy, căn cứ 02 quyết định nêu trên thì bà H được cấp 02 lô đất tái định cư là có căn cứ. Cụ thể bà H đã nhận 01 lô tái định cư mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ và còn 01 lô vị trí 01 của dự án theo quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước đến nay chưa được nhận.

Thứ hai, theo Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/3/2022 của UBND thành phố Đ nêu trên “thì khi điều chỉnh quy hoạch theo quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh không có các lô tái định cư vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho các hộ dân, trong đó có bà H”. Như vậy, việc điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 2406 thì vị trí 1 không còn nhưng vẫn còn các lô đất ở vị trí 2 của dự án theo Quyết định số 573. Thực tế đất vị trí 01 của dự án vẫn có tại đường Tôn Đức Thắng và đường 31 tính từ đường Phú Riềng Đỏ khoảng cách vào là 50m chứ không phải không có như UBND thành phố Đ xác định. Như vậy quyền lợi của bà H theo Quyết định số 573 là được cấp thêm 01 lô đất vị trí 1, nhưng nay không còn thì phải xem xét tiếp tục giao cho bà H ở vị trí đất ưu tiên tiếp theo của dự án này là vị trí 2, mà vị trí 2 phải là 1,5 lô mà không còn là 01 lô vị trí 1 (theo quyết định 573: “Nếu các hộ dân mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được giao tái định cư vị trí bên trong thì cứ 01 lô mặt tiền được 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ); 1,5 lô vị trí 2; 2 lô vị trí 3 và 2,5 lô vị trí 4”). Tại quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ nêu như sau: “Qua rà soát thì dự án còn lại 01 lô đất số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m có mặt tiền tiếp giáp đường Nguyễn Hoàn, hành lang lộ giới 28m (thuộc vị trí 1). Vậy ở quyết định này xác định lô số 21 cụm 2C-55 kích thước 10m x 30m thuộc vị trí 01 là mâu thuẫn với các thông báo số 985/TB-UBND ngày 15/11/2021, thông báo số 261/TB-UBND ngày 11/4/2019, Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/03/2022 đều xác định còn 01 lô vị trí 02 của

dự án là lô số 21, cụm 2C-55 kích thước 10m x 30m của dự án mà không phải là vị trí 01 như quyết định 1239 nêu trên. Trong suốt quá trình giải quyết vụ việc tại UBND thành phố Đ bà H không đồng ý việc giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giao cho bà H nhận 01 lô đất tái định cư của dự án tại vị trí 02 là lô đất số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m; Yêu cầu của bà H là nhận 1,5 lô vị trí 02 theo quyết định 573, do vị trí 2 chỉ còn 01 lô nên bà H vẫn đồng ý nhận 01 lô vị trí 02 và đồng thời phải bố trí thêm 0,5 lô đất tái định cư (05m x 30m) ở vị trí khác tương đương với vị trí 02 (có thể giao đất tái định cư ở phường khác như phường Tân Bình, Tân Phú). Do đó bà H yêu cầu toà án giải quyết những yêu cầu cho bà H như sau:

1. Huỷ Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 7, khu phố T, phường T, thành phố Đ (lần đầu).

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ giao đất tái định cư cho bà H theo đúng theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể giao cho bà H 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 02 của dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện vị trí 02 của dự án còn 01 lô bà H đồng ý nhận lô này và giao thêm 0,5 lô ở vị trí khác tương đương với vị trí 02 này cho bà H ở phường Tân Bình hoặc ở phường Tân Phú.

Tại văn bản trình bày ý kiến, Chủ tịch UBND Đ và UBND thành phố Đ trình bày:

Đối với nội dung yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ phúc đáp như sau:

Ngày 30/3/2022, bà Đào Thị N (nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị H) có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố Đ, với nội dung: Bà Nguyễn Thị H có đất giải tỏa thuộc dự án khu dân cư và xây dựng Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, sau giải tỏa bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư, trong đó bà H đã nhận 01 lô mặt tiền Phú Riềng Đỏ (lô số 04, cụm D-6 theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài), còn 01 lô vị trí 1 chưa nhận, bà đề nghị được nhận 1,5 lô vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Ngày 21/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND giao Thanh tra thành phố xác minh, tham mưu giải quyết nội dung khiếu nại nêu trên. Ngày 31/5/2022, Thanh tra thành phố có Tờ trình số 132/TTr-T.tr tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 về việc gia hạn thời gian xác minh, giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Qua kết quả xác minh, nội dung cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị H có thửa đất diện tích 550m² tọa lạc tại: Khu phố Tân Trà, thị trấn Đồng Xoài, huyện Đồng Phú cũ (theo Giấy CNQSDĐ số 01600 ngày 20/12/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cũ cấp cho cho bà Lê Thị T, đến ngày 31/12/1996 bà T có hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H). Ngày 22/02/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 300/QĐUB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô xây dựng khu dân cư và đất xây dựng trụ sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh

Bình Phước, bà H bị giải tỏa toàn bộ thửa đất nêu trên (thuộc thửa đất số 22 bản đồ giải thửa, diện tích 537m²), được áp giá bồi thường với tổng số tiền 47.791.360đ. Về tái định cư: Theo khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 75/2002/QĐ-UBND ngày 25/11/2002 của UBND tỉnh về Ban hành chính sách, đơn giá đền bù đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu dự án xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh quy định: “Điều 8: Chính sách tái định cư:

1. Đối với những hộ có hộ khẩu thường trú tại nơi có đất bị giải tỏa, bị giải tỏa hết đất ở hợp pháp (hoặc diện tích còn lại dưới 40m²), không còn đất sử dụng ở nơi khác, nếu có nhu cầu chỗ ở mới thì phải làm đơn đăng ký bố trí tái định cư có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thường trú để được xét cấp đất tái định cư”. Theo Quy định nêu trên thì hộ bà Nguyễn Thị H không đủ điều kiện được giao đất tái định cư (do không có hộ khẩu thường trú tại nơi có đất bị giải tỏa). Ngày 04/4/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 573/QĐ-UB về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 75/2002/QĐ-UB ngày 25/11/2002 của UBND tỉnh, tại điểm c khoản 3 Điều 1 quy định như sau: “Đối với hộ dân bị giải tỏa mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ: Những hộ dân bị thu hồi đất mà chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m (diện tích giải tỏa trên 100m²) thì được bố trí 01 lô đất tái định cư. Nếu các hộ dân mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được giao tái định cư vị trí bên trong thì cứ 01 lô mặt tiền được 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ); 1,5 lô vị trí 2; 2 lô vị trí 3 và 2,5 lô vị trí 4. Những hộ có chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m mà diện tích giải tỏa từ 350m² đến dưới 500m² thì ngoài việc được bố trí 01 lô mặt tiền còn được bố trí ½ lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ), nếu diện tích giải tỏa trên 500m² thì được bố trí thêm 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ)”. Theo đó, bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư, sau đó bà H đã nhận 01 lô mặt tiền Phú Riềng Đỏ (lô số 04, cụm D-6 theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đ)). Tháng 01/2022, bà H có Đơn gửi Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị giao đất tái định cư cho bà từ 01 lô vị trí 1 sang 1,5 lô vị trí 2; trường hợp không đủ 1,5 lô thì giao 01 lô tại dự án Khu dân cư và xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và 0,5 lô vị trí khác trên địa bàn thành phố Đ. Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 353/UBND-TD về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H, nội dung như sau: Năm 2014 dự án Khu dân cư và xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh được điều chỉnh, đất mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được đưa ra khỏi quy hoạch và điều chỉnh đường quy hoạch số 2 và số 3 không thông ra đường Phú Riềng Đỏ, quy hoạch đường số 5 từ đường quy hoạch số 31 đến đường quy hoạch số 2 có chiều rộng là 17m theo Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Sau khi điều chỉnh quy hoạch thì các lô đất tái định cư vị trí 1 (không tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ) đã được điều chỉnh thành đất dân cư hiện hữu. Do đó, không có các lô đất tái định vị trí 1 (không tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ) như thiết kế ban đầu để giao cho các hộ dân, trong đó có bà H. Đến nay các hộ dân có cùng điều kiện giải tỏa như bà H đã chấp hành nhận 01 lô đất tái định cư tại vị trí 2. Do đó, Ủy ban

nhân dân thành phố đề nghị bà H nhận 01 lô đất tái định cư tại vị trí 2 (lô số 21, Cụm 2C-55, kích thước 10mx30m, tại dự án: Khu dân cư và xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh (do đây là lô tái định cư duy nhất còn lại của dự án). Không đồng ý với trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố như trên, bà H ủy quyền cho bà Đào Thị Ngoan khiếu nại; ngày 30/3/2022 bà Ngoan có Đơn khiếu nại đề nghị giao cho bà H 1,5 lô vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐUBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước gửi Ủy ban nhân dân thành phố. Ngày 13/7/2022, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1239/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H với nội dung: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn của bà Nguyễn Thị H (ủy quyền cho bà Đào Thị N) khiếu nại đề nghị được nhận 1,5 lô vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước.

Đối với nội dung bà H khiếu nại đề nghị được nhận 1,5 lô vị trí 2, Ủy ban nhân dân thành phố phúc đáp như sau: Hộ bà H bị giải tỏa 537m², chiều ngang mặt tiền theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là 10m, căn cứ chính sách Quyết định số 573/QĐ-UB ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh nêu trên, hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư là đúng với chính sách. Bà H đã nhận 01 lô mặt tiền, nay bà đề nghị hoán đổi 01 lô vị trí 1 lấy 1,5 lô vị trí 2 (theo chính sách của các hộ giải tỏa mặt tiền được giao đất tái định cư phía trong) là không có cơ sở. Mặt khác, theo Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/3/2022 của UBND thành phố nêu trên thì sau khi điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh không có các lô đất tái định vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho các hộ dân, trong đó có bà H. Qua rà soát thì tại dự án còn lại 01 lô đất số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m; đến nay các hộ dân có cùng điều kiện giải tỏa như bà H đã chấp hành nhận 01 lô đất tái định cư tại vị trí bên trong. Từ những căn cứ nêu trên, việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp 1,5 lô đất tái định cư theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác yêu cầu nêu trên của bà Nguyễn Thị H.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thể tiến hành đối thoại được vì người bị kiện vắng mặt nên Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Đào Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn T: Thống nhất với nội dung trình bày ý kiến của người bị kiện, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

*** Về tố tụng:**

[1] - Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 7, khu phố Tân Xuân, phường Tân Xuân, thành phố Đ (lần đầu) (sau đây được viết tắt là Quyết định số 1239/QĐ-UBND); đồng thời buộc UBND thành phố Đ thực hiện hành vi hành chính cấp 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành chính sách, đơn giá đền bù đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu Dự án xây dựng khu dân cư và đất xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNN thuộc địa bàn phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài (sau đây được viết tắt là Quyết định số 573/QĐ-UBND).

Đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] - Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận được Quyết định số 1239/QĐ-UBND, ngày 28/9/2022, bà H nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Bình Phước. Việc khởi kiện của bà H đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền và thời hiệu theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

*** Về nội dung:**

[3] - Đối với yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1239/QĐ-UBND

[3.1.1] *Tính có căn cứ về hình thức:*

Quyết định số 1239/QĐ-UBND được ban hành theo đúng hình thức quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 và đúng biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[3.1.2] *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:*

- Thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 1239/QĐ-UBND được ban hành để giải quyết khiếu nại lần đầu của bà H đối với yêu cầu cấp 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND, nên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Đ là đúng theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

- Trình tự, thủ tục ban hành:

Sau khi biết được việc UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/3/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị của bà H. Không đồng ý với Công văn trên bà H làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Đ đề nghị giải quyết khiếu nại. Ngày 21/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh. Qua quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, làm việc, đối thoại với đương sự, ngày 22/6/2022 Thanh tra thành phố Đ đã ban hành báo cáo số 166/BC-T.Tr về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà H. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh cũng như các văn bản pháp luật có liên quan, ngày 13/7/2022 Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 1239/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 7, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật khiếu nại năm 2011;

[3.1.3] Thời hạn, thời hiệu ban hành:

- Thời hạn ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại ngày 30/3/2022 của bà H, ngày 21/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh; ngày 13/7/2022 Chủ tịch UBND thành phố Đ mới ban hành Quyết định số 1239/QĐ-UBND là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

- Thời hiệu ban hành: Đơn khiếu nại của bà H là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011. Do đó, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với bà H là đúng quy định pháp luật.

[3.1.4] Về nội dung Quyết định số 1239/QĐ-UBND

Người bị kiện cho rằng sau khi điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước thì không có các lô đất tái định cư ở vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho bà H theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND nên đề nghị bà H nhận lô số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m có mặt tiền tiếp giáp đường Nguyễn Hoàn tại dự án và bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà H là không có cơ sở, bởi lẽ:

- Theo khoản 10 Điều 1 của Quyết định số 1714/QĐ-UB ngày 22/9/2003 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu dân cư và đất xây dựng Trụ sở ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước quy định về phương thức thực hiện giao đất lô tái định cư thì thực hiện theo phương án đền bù được UBND tỉnh phê duyệt.

- Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Quyết định số 573/QĐ-UBND quy định: “Đối với các hộ dân bị giải tỏa mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ: Những

hộ dân bị thu hồi đất mà chiều ngang đất mặt tiền từ 4m đến 9m (diện tích giải tỏa trên 100m²) thì được bố trí 01 lô đất tái định cư, còn lại cứ 9m tăng thêm được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư. Nếu các hộ dân mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ được giao tái định cư vị trí bên trong thì cứ 01 lô mặt tiền được 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ); 1,5 lô vị trí 2; 2 lô vị trí 3 và 2,5 lô vị trí 4..., nếu diện tích giải tỏa trên 500 m² thì được bố trí thêm 01 lô vị trí 1 (không tiếp giáp mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ).

- Bà H bị giải tỏa diện tích đất 537 m² với chiều ngang mặt tiền theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10m. Theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND thì bà H thuộc trường hợp được bố trí 01 lô đất tái định cư và do diện tích giải tỏa trên 500m² nên bà H được bố trí thêm 01 lô vị trí 1, tổng cộng là 02 lô tái định cư. Bà H đã nhận được 01 lô mặt tiền đường Phú Riềng Đỏ (lô số 4, cụm D-6 theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND thị xã Đồng Xoài) nhưng chưa được nhận thêm 01 lô đất định cư ở vị trí 1.

- Theo Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/3/2022 của UBND thành phố Đ xác định khi điều chỉnh quy hoạch theo quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước không có các lô tái định cư vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho các hộ dân, như vậy theo tinh thần của Quyết định số 573/QĐ-UBND thì tương đương bà H phải được giao 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 2 hoặc giao ở vị trí tương đương khác.

- Tại Quyết định số 1239/QĐ-UBND người bị kiện xác định dự án còn lại 01 lô đất số 21, cụm 2C-55, kích thước (10m x 30m) có mặt tiền tiếp giáp đường Nguyễn Hoàn, hành lang lộ giới 28m là thuộc vị trí 1 và đề nghị bà H nhận lô tái định cư này là có mâu thuẫn với các văn bản mà người bị kiện đã ban hành trước đó, cụ thể tại Thông báo số 261/TB-UBND ngày 11/4/2019 (bút lục 37) xác định nội dung: “còn 01 lô vị trí 1 bà H chưa được nhận nên đề nghị bà H nhận 01 lô ở vị trí 2”; tại Thông báo số 985/TB-UBND ngày 15/11/2021 (bút lục 39) xác định nội dung: “còn 01 lô vị trí 1 bà H chưa nhận. Do lô đất tái định cư vị trí 1 không còn nên dự kiến giao cho bà H lô đất tái định cư ở vị trí 2 (lô số 21, cụm 2C-55, kích thước 10m x 30m)”; ngoài ra, tại Công văn số 353/UBND-TD ngày 03/03/2022 (bút lục 43) cũng xác định lô số 21, cụm 2C-55 kích thước 10m x 30m là lô tái định cư thuộc vị trí 2.

- Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy người bị kiện đề nghị bà H nhận lô tái định cư số 21, cụm 2C-55, kích thước (10m x 30m) có mặt tiền tiếp giáp đường Nguyễn Hoàn (lô ở vị trí 2) là chưa đúng theo tinh thần của Quyết định số 573/QĐ-UBND; chưa đảm bảo quyền lợi cho bà H; Quyết định số 1239/QĐ-UBND được ban hành tuy đúng về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhưng vi phạm về thời hạn và nội dung ban hành quyết định. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] - Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố Đ thực hiện việc cấp cấp 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 2 theo chính sách tái định cư tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Bình Phước.

Như đã phân tích tại mục [3.1.4], người bị kiện sau khi điều chỉnh quy hoạch không có các lô đất tái định cư ở vị trí 1 như thiết kế ban đầu để giao cho bà H, nhưng người bị kiện không bố trí 1,5 lô tái định cư ở vị trí 2 cho bà H theo tinh thần của Quyết định số 573/QĐ-UBND mà chỉ giao 1 lô tái định cư ở vị trí 2 cho bà H là không đảm bảo quyền lợi cho bà H, nên yêu cầu khởi kiện này của bà H là có cơ sở.

[5] - Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] - Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu; Chủ tịch UBND thành phố Đ, UBND thành phố Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 9, Điều 27, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

- Hủy Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 7, khu phố T, phường T, thành phố Đ (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện cấp 1,5 lô đất tái định cư ở vị trí 2 cho bà Nguyễn Thị H đúng theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành chính sách, đơn giá đền bù đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu Dự án xây dựng khu dân cư và đất xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNN thuộc địa bàn phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);
- Ủy ban nhân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Cục THA DS tỉnh Bình Phước;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tổ NV, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga